|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày | 12/12/2023 | 12/12/2023 |
| 4/12/2023 | Tiết | 3 | 1 |
| Lớp | 9C | 9D |

............................................................

**CHƯƠNG V - DI TRUYỀN HỌC**

**Tiết 29- Bài 28: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU DI TRUYỀN NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức, kỹ năng:** Sau khi học xong bài này, học sinh:

***a) Kiến thức***

- Biết sử dụng được phương pháp nghiên cứu phả hệ để phân tích sự di truyền 1 vài tính trạng hay đột biến ở người.

- Hiểu được 2 trường hợp: sinh đôi cùng trứng và sinh đôi khác trứng.

+ Hiểu được ý nghĩa của phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh trong nghiên cứu di truyền từ đó giải thích được 1 số trường hợp thường gặp.

- Vận dụng kiến thức để giải thích một số hiện tượng thực tế.

***b. Kĩ năng:***

- Tiếp tục rèn và củng cố kĩ năng thu thập thông tin, xử lí tỡnh huống, hoạt động nhóm...

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh**

***a. Cỏc phẩm chất***

**-** Phát huy tính chăm chỉ, tự học, sống có tinh thần và trỏch nhiệm trong cụng việc.

***b. Các năng lực chung***:

- Năng lực giao tiếp, tự học, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác

***c. Các năng lực chuyên biệt***

- Năng lực hiểu biết sinh học, nghiên cứu.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giỏo viờn**

- Tranh phóng to hình 28.2 và 28.2 SGK.

- Ảnh về trường hợp sinh đôi.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập, giấy nháp

- Một số tranh ảnh về trường hợp sinh đôi.

- Xem trước bài.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. Hoạt động khởi động (4 phút)**

- Kiểm tra VBT của học sinh

**B. Hoạt động hỡnh thành kiến thức**

\*GVgiới thiệu những khó khăn khi nghiên cứu di truyền người phương pháp nghiên cứu di truyền người là:



-Nghiên cứu phả hệ.

- Nghiên cứu trẻ đồng sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **HOẠT ĐỘNG 1**  ***Nghiên cứu phả hệ(18phút)*** | |
| - GV giải thích từ phả hệ.  ? Giải thích các kí hiệu:  ? Tại sao người ta dùng 4 kí hiệu để chỉ sự kết hôn giữa 2 người khác nhau về 1 tính trạng?  - GV yêu cầu HS nghiên cứu VD1, Mắt nâu và mắt đen, tính trạng nào là trội? Vì sao?  ? Sự di truyền màu mắt có liên quan tới giới tính hay không? Tại sao?  Viết sơ đồ lai minh họa.  ? Lập sơ đồ phả hệ của VD2 từ P đến F1?  ? Bệnh máu khó đông do gen trội hay gen lặn quy định?  ?Sự di truyền bệnh máu khó đông có liên quan tới giới tính không? tại sao?  - Yêu cầu HS viết sơ đồ lai minh hoạ: Kí hiệu gen a- mắc bệnh; A- không mắc bệnh ta có sơ đồ lai:  P: XAXa x XAY  GP: XA, Xa XA, Y  Con: XAXA ;XAXa ;XAY (không mắc)  XaY (mắc bệnh)  - GV hướng dẫn HS yếu, kém quan sát sơ đồ phả hệ và cách viết sơ đồ lai minh hoạ.  - Phương pháp nghiên cứu phả hệ là gì?  - Phương pháp nghiên cứu phả hệ nhằm mục đích gì?  - GV chốt kiến thức và yêu cầu HS tự rút ra kết luận. | - HS tự nghiên cứu thông tin SGK và ghi nhớ kiến thức, cỏ nhõn trả lời cõu hỏi.  - HS nghiên cứu VD2, hoạt động nhóm bàn thong 3 phút. Đại diện nhóm trỡnh bày, cỏc nhúm khỏc nhận xột, bổ sung.  + Bệnh máu khó đông do gen lặn quy định.  + Sự di truyền bệnh máu khó đông liên quan đến giới tính vì chỉ xuất hiện ở nam ⭢ gen gây bệnh nằm trên NST X, không có gen tương ứng trên Y.  - HS viết sơ đồ lai minh hoạ.  - HS yếu, kém quan sát sơ đồ phả hệ và cách viết sơ đồ lai minh hoạ.  - HS suy nghĩ trả lời.  - HS tự rút ra kết luận. |
| **\*Kết luận**  - Phả hệ là bản ghi chép các thế hệ.  - Phương pháp nghiên cứu phả hệ là phương pháp theo dõi sự di truyền của 1 tính trạng nhất đinh trên những người thuộc cùng 1 dòng họ qua nhiều thế hệ để xác định đặc điểm di truyền của tính trạng đó. | |
| **HOẠT ĐỘNG 2**  ***Nghiên cứu trẻ đồng sinh(15phút)*** | |
| ? Thế nào là trẻ đồng sinh?  - Cho HS nghiên cứu H 28.2 SGK  - Giải thích sơ đồ a, b?  - Sơ đồ 28.2a và 28.2b giống và khác nhau ở điểm nào?  - GV đưa ra đáp án.  - Đồng sinh cùng trứng và khác trứng khác nhau cơ bản ở điểm nào?  - GV yêu cầu HS đọc mục “Em có biết” qua VD về 2 anh em sinh đôi Phú và Cường để trả lời câu hỏi:  - Nêu ý nghĩa của việc nghiên cứu trẻ đồng sinh? | - HS nghiên cứu SGK và trả lời.  - HS nghiên cứu H 28.2, thảo luận nhóm bàn trong 5 phút và hoàn thành vở bài tập.  - Đại diện nhóm báo cáo , các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Học sinh tự sửa bài.  - HS tự rút ra kết luận.  - HS đọc mục “Em có biết” SGK.  - HS suy luận để trả lời. |
| **\*Kết luận**  - Trẻ đồng sinh là trẻ được sinh ra cùng một lần sinh.  - Đồng sinh cùng trứng: có cùng kiểu gen, cùng giới.  - Đồng sinh khác trứng: khác kiểu gen nên có thể cùng giới hoặc khác giới.  - Ý nghĩa của nghiên cứu trẻ đồng sinh:Nghiên cứu trẻ đồng sinh giúp hiểu rõ vai trò của kiểu gen và vai trò của môi trường đối với sự hình thành tính trạng. | |

**Bài tập*: So sánh sơ đồ 28.2a và 28.2b***

*+ Giống nhau:* đều minh hoạ quá trình phát triển từ giai đoạn trứng được thụ tinh tạo thành hợp tử, hợp tử phân bào phát triển thành phôi.

*+ Khác nhau:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đồng sinh cùng trứng** | **Đồng sinh khác trứng** |
| *+Số trứng tham gia thụ tinh: 1 trứng được thụ tinh với 1 tinh trùng tạo thành 1 hợp tử. Ở lần phân bào đầu tiên của hợp tử, 2 phôi bào tách rời nhau, mỗi phôi bào phát triển thành 1 cơ thể riêng rẽ.*  *+Kiểu gen: cùng kiểu gen.*  *+Kiểu hình: luôn cùng giới.* | *+ 2 trứng được thụ tinh với 2 tinh trùng tạo thành 2 hợp tử. Mỗi hợp tử phát triển thành 1 phôi. Sau đó mỗi phôi phát triển thành 1 cơ thể.*  *+ kiểu gen khác nhau.*  *+ Có thể cùng giới hoặc khác giới.* |

**C. Hoạt động luyện tập (3 phút)**

- GV: Qua bài học này em cần nắm vững những vấn đề gì?

+ HS lên bảng trình bày bằng bản đồ tư duy. Các HS khác làm ra giấy nháp.

- Yêu cầu HS nhận xét, chấm điểm HS lên bảng. GV thu chấm một số bài của HS

**D. Hoạt động vận dụng (2ph)**

- GV yêu cầu HS làm bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Phả hệ là:  
 a. Là sơ đồ về kiểu gen của các tính trạng mà con người nghiên cứu.

b. Là sơ đồ biểu thị mối quan hệ họ hàng của nhiều cá thể.

c. Là sơ đồ theo dõi sự di truyền của các loại bệnh ở người.

d. Là sơ đồ biểu thị sự di truyền của một tính trạng nào đó qua các thế hệ.

Câu 2: Trẻ đồng sinh cùng trứng không có đặc điểm chung nào dưới đây?

a. Có cùng kiểu hình dù môi trường sống có giống mhau.

b. Xuất phát từ một hợp tử.

c. Có kiểu gen giống nhau.

d. Phản ứng như nhau trong cùng điều kiện môi trường.

**E. Hoạt động tìm tòi và mở rộng (3ph)**

- Học bài và trả lời câu hỏi 1, 2 SGK trang 81.

- Tìm hiểu 1 số bệnh tật di truyền ở người.

- Thông tin bổ sung:

74 cặp đồng sinh cùng trứng: + 56 cặp cả 2 bị bệnh còi xương.

+ 18 cặp 1 bị bệnh

60 cặp đồng sinh khác trứng; + 14 cặp cả 2 bị bệnh

+ 46 cặp có 1 bị bệnh.

-Để phân biệt bằng mắt thường trẻ đồng sinh cùng trứng: giống hệt nhau còn đồng sinh khác trứng giống nhau như anh em một nhà. Trẻ đồng sinh khác trứng có trường hợp giống nhau vì môi trường sống giống nhau.

- Xem và nghiên cứu kĩ theo nhóm bài 29 “ Bệnh và tật di truyền ở người” về:

+ Bệnh Đao, bệnh Tocno: Nguyên nhân, biểu hiện, cơ chế.

+ Một số tật di truyền ở người.

+ Cỏc biện phỏp hạn chế phỏt sinh bệnh, tật di truyền.

**IV. PHỤ LỤC**

**DUYỆT KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 13**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Người duyệt | Ngày duyệt | Nhận xét | Phản hồi của GV | Chưa duyệt | Duyệt |
| PHT | 21/12/2021 | Đảm bảo |  |  | X |
| *BGH ký và xác nhận:* | | | | | |